

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 366/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thúy N, sinh năm 1990;

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: đường H, Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bi đơn: Ông Vũ Đức C, sinh năm 1988;

Hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: đường H, Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Thúy N và ông Vũ Đức C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thúy N và ông Vũ Đức C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông C xác định có một con chung là Vũ Đức Hoàng M, sinh ngày 26-10-2014. Ông C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, bà N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/01 tháng.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Mai Thị Thúy N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Thúy N và ông Vũ Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ: Bà Mai Thị Thúy N tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nga đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.Vũng Tàu; bà Mai Thị Thúy N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Vũng Tàu;
- Thi hành án DS TP.Vũng Tàu;
- Cơ quan nơi ĐKKH;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Hồng Hà